

Bản án số: 119/2022/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Hoa Vinh;
2. Ông Nguyễn Dũng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Ngô Văn Th**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã N, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022); vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1987; vắng mặt.

2.2. Anh **Đỗ Thành Th1**, sinh năm 1985 (chết ngày 12/7/2022).

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Th1:

- Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Ông **Đỗ Văn B**, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 9, ấp C, xã G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 9, ấp C, xã G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Cháu **Đỗ Phương A**, sinh ngày 08/3/2011;

- Cháu **Đỗ Ngọc H2**, sinh ngày 01/8/2009;

- Cháu **Đỗ Phương V**, sinh ngày 12/9/2017.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu A, H2, V: Chị **Nguyễn Thị H1** (mẹ ruột), sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2022 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 17/6/2019, vợ chồng anh Th1, chị H1 có vay của anh Ngô Văn Th số tiền 69.000.000 đồng, có làm giấy nợ với lãi suất là 2%/tháng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, hẹn đến ngày 27/6/2019 trả tiền gốc và tiền lãi, nhưng anh Th1, chị H1 chỉ trả tiền lãi cho anh Th đến ngày 17/12/2019 là 8.000.000 đồng.

Đến ngày 09/12/2019, anh Th1, chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy nợ với lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để làm đám cưới cho em chị H1. Thỏa thuận thời hạn trả là ngày 19/12/2019 trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Đến hạn trả nợ anh Th1, chị H1 không trả. Nay, anh Th khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Thành Th1 và chị Nguyễn Thị H1 trả cho anh Th số tiền vay gốc 89.000.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 09/12/2019 cho đến khi xét xử vụ án, tạm tính là $89.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 28 \text{ tháng} = 20.683.600 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 109.683.600 đồng. Do anh Th1 chết nên yêu cầu hàng thừa kế của anh Th1 cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay trên.

Bị đơn - Chị Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng - Ông Đỗ Văn B trình bày:

Ông là cha của anh Đỗ Thành Th1. Tháng 7/2022, anh Th1 chết. Khi chết anh Th1 có để lại tài sản, có nợ tiền ai không thì ông không biết vì vợ chồng anh Th1, chị H1 ở riêng ở xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Nay, anh Th khởi kiện yêu cầu anh Th1, chị H1 trả số tiền vay gốc 89.000.000 đồng và tính tiền lãi suất từ ngày 09/12/2019 cho đến khi xét xử vụ án, tạm tính là $89.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 28 \text{ tháng} = 20.683.600 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 109.683.600 đồng, ông không biết việc vay này, ông không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng - Bà Lê Thị C trình bày:

Bà là mẹ của anh Đỗ Thành Th1, bà thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Văn B, bà không có ý kiến bổ sung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 615 BLDS 2015, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 01/2019 về lãi suất, Nghị quyết 326 về án phí và lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu của anh Th. Buộc chị Nguyễn Thị H1, ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C, cháu Đỗ Phương A, cháu Đỗ Ngọc H2 và cháu Đỗ Phương V cùng có trách nhiệm trả cho anh Th số tiền 89.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C, cháu Đỗ Phương A, cháu Đỗ Ngọc H2 và cháu Đỗ Phương V chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của anh Th1 để lại.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Đỗ Thành Th1 chết; chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt không có lý do; Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào biên bản xác minh tại Công an xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xác định anh Th1 có 03 người con gồm cháu Đỗ Phương A, sinh ngày 08/3/2011, cháu Đỗ Ngọc H2, sinh ngày 01/8/2009 và cháu Đỗ Phương V, sinh ngày 12/9/2017. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Th1 là ông B, bà C có đơn xin vắng mặt; chị H1 và các cháu A, H2, V vắng mặt tại địa phương; anh Ngô Văn Th là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa; Bà Nguyễn Thị H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 17/6/2019, vợ chồng anh Th1, chị H1 có vay của anh Ngô Văn Th số tiền 69.000.000 đồng, có làm giấy nợ với lãi suất là 2%/tháng, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, hẹn đến ngày 27/6/2019 trả tiền gốc và tiền lãi, nhưng anh Th1, chị H1 chỉ trả tiền lãi cho anh Th đến ngày 17/12/2019 là 8.000.000 đồng. Ngày 09/12/2019, anh Th1, chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy nợ với lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để làm đám cưới cho em chị H1. Thỏa thuận thời hạn trả là ngày 19/12/2019 trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Đến hạn trả nợ anh Th1, chị H1

không trả, nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại giấy vay tiền ghi ngày 17/6/2019, có nội dung anh Th1, chị H1 vay của anh Th số tiền 69.000.000 đồng hẹn đến ngày 27/6/2019 trả đủ, anh Th1 có ký tên. Tại giấy vay tiền ghi ngày 09/12/2019, có nội dung anh Th1 vay của anh Th số tiền 20.000.000 đồng, hẹn đến ngày 19/12/2019 trả đủ, anh Th1 có ký tên.

02 khoản vay trên, không có chữ ký của chị H1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th1 chết, chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Thái là ông B, bà C (cha mẹ của anh Th1) trình bày không biết các khoản vay này do anh Th1, chị H1 sống riêng với ông bà. Các cháu Phương A, cháu Phương V, cháu Ngọc H2 đang sống cùng chị H1. Xét thấy, 02 khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh Th1, chị H1, số tiền vay này nhằm mục đích phục vụ việc làm kinh tế của gia đình. Do đó, đây là nợ chung của chị H1 và anh Th1, nên anh Th1, chị H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền trên cho anh Th là phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh Th1 chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Th1 theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự là ông B, bà C, cháu Phương A, cháu Phương V, cháu Ngọc H2 cùng có nghĩa vụ với chị H1 trả cho anh Th số tiền vay gốc là 89.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của anh Th1 để lại là có căn cứ.

Xét về yêu cầu tính tiền lãi: Anh Th yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%, tính từ ngày 09/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2022), Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong 02 giấy vay tiền ghi ngày 17/6/2019 và 09/12/2019 có ghi thỏa thuận lãi là 2%, anh Th trình bày khi cho vay có thỏa thuận tiền lãi, chị H1 đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến nên xác định hợp đồng vay giữa anh Th, chị H1, anh Th1 là vay có thỏa thuận lãi, có thời hạn trả. Sau thời hạn trả, anh Th1, chị H1 không trả được cho anh Th nên tiền lãi sẽ được tính kể từ ngày vay, do anh Th yêu cầu tính lãi từ ngày 09/12/2019 cho đến nay (ngày 29/9/2022), việc yêu cầu này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc tính lãi được tính như sau:

$89.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 33 \text{ tháng} = 24.869.000 \text{ đồng}.$

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 615, 651 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn Th. Buộc chị Nguyễn Thị H1, ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C, cháu Đỗ Phương A, cháu Đỗ Ngọc H2, cháu Đỗ Phương V cùng có nghĩa trả cho anh Ngô Văn Th số tiền 113.869.000 (một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn) đồng (trong đó, tiền gốc là 89.000.000 (tám mươi chín triệu) đồng, tiền lãi là 24.869.000 (hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn) đồng). Riêng đối với ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C, cháu Đỗ Phương A, cháu Đỗ Ngọc H2, cháu Đỗ Phương V chỉ chịu trách nhiệm trả trong phạm vi di sản thừa kế của anh Th1 để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án (chị Nguyễn Thị H1, ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C, cháu Đỗ Phương A, cháu Đỗ Ngọc H2, cháu Đỗ Phương V) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng đối với ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C, cháu Đỗ Phương A, cháu Đỗ Ngọc H2, cháu Đỗ Phương V chỉ chịu trách nhiệm trả trong phạm vi di sản thừa kế của anh Th1 để lại.

2/ Về án phí.

Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 5.693.000 (năm triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị C được miễn án phí sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THADS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan

